● 141. DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT

A – MỤC TIÊU

Giúp HS :

– Nắm được quy tắc tính diện tích hình chữ nhật khi biết số đo hai cạnh của nó.

– Vận dụng để tính được diện tích một số hình chữ nhật đơn giản theo đơn vị đo là xăng-ti-mét vuông.

B – ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Có thể chuẩn bị một số hình chữ nhật (bằng bìa) có kích thước 3cm × 4cm ; 6cm × 5cm ; 20cm × 30cm (giúp HS có biểu tượng về diện tích).

Bài giải

2dm = 20cm

Diện tích hình chữ nhật là :

$20 \times 9 = 180 \ (cm^2)$

Đáp số : $180cm^2$.

C – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Xây dựng quy tắc tính diện tích hình chữ nhật

Dựa vào hình vẽ trong SGK, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện theo các bước :

– Tính số ô vuông trong hình ($4 \times 3 = 12$ (ô vuông)).

– Biết 1 ô vuông có diện tích $1cm^2$.

– Tính diện tích hình chữ nhật : $4 \times 3 = 12$ (cm^2).

Từ đó đưa ra quy tắc tính diện tích hình chữ nhật (như trong SGK).

Lưu ý : Nên cho HS thấy được "biểu tượng" diện tích của hình chữ nhật $4 \times 3(cm^2)$ như là diện tích một con tem, một nhãn vở ... (hoặc diện tích miếng bìa có đúng kích thước như vậy). Không nên vẽ to ô "cm^2" trên bảng, HS dễ hiểu sai biểu tượng về "cm^2".

2. Thực hành

Bài 1 : Yêu cầu HS tính diện tích, chu vi hình chữ nhật với kích thước cho ở cột 2, 3 theo mẫu ở cột 1 (có thể cho HS nêu lại quy tắc tính).

Bài 2 : HS tự tính được diện tích hình chữ nhật và trình bày bài giải như sau :

Bài giải

Diện tích miếng bìa hình chữ nhật là :

$$14 \times 5 = 70 \ (cm^2)$$

Đáp số : $70cm^2$.

Bài 3 : HS tự làm, sau đó GV có thể cho HS đổi chéo vở để chữa bài.

Phần a) *Bài giải*

Diện tích hình chữ nhật là :

$$5 \times 3 = 15 \ (cm^2)$$

Đáp số : $15cm^2$.

Phần b) HS tự thấy chiều dài và chiều rộng không cùng đơn vị đo nên trước khi tính diện tích phải đổi "đề-xi-mét" sang "xăng-ti-mét", chẳng hạn :